

Số: 40/BC-HĐND

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát về nợ thuế và nợ tiền sử dụng đất

Trong năm 2012 Ban Kinh tế và Ngân sách đã thực hiện 2 cuộc giám sát chuyên đề: “Giám sát Luật Quản lý thuế; phân cấp quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”; “Giám sát tình hình nợ tiền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

Thực hiện Nghị quyết số 75/2013/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 12 năm 2013 của HĐND tỉnh về Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2014, Ban Kinh tế và Ngân sách tiến hành giám sát việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát của 2 cuộc giám sát chuyên đề trên, tập trung vào nợ thuế và nợ tiền sử dụng đất.

Thông qua báo cáo của ngành Thuế, báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố; kết quả giám sát trực tiếp tại một số đơn vị, Ban Kinh tế và Ngân sách báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả như sau:

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC KIẾN NGHỊ SAU GIÁM SÁT VỀ NỢ THUẾ, NỢ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC KIẾN NGHỊ SAU GIÁM SÁT VỀ NỢ THUẾ

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thu nợ thuế thời điểm 30/6/2012 trở về trước

1.1. Đến 30/6/2012, số nợ thuế là 343.546 triệu đồng, trong đó nợ khó thu 55.659 triệu đồng, nợ có khả năng thu 276.582 triệu đồng, nợ chờ xử lý 7.979 triệu đồng, nợ chờ điều chỉnh 3.326,2 triệu đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo các ngành thuế, tài chính, kho bạc, UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, phân loại, để áp dụng các biện pháp thu hồi nợ theo quy định; tăng cường công tác quản lý nợ thuế; xử lý các trường hợp chây ì, nợ thuế quá hạn. Hàng năm đều ban hành chỉ thị, thành lập Ban chỉ đạo chống thất thu và đôn đốc thu hồi nợ đọng cả ở cấp tỉnh và cấp huyện.

Từ năm 2013 đến nay Cục Thuế đã ban hành 13 văn bản chỉ đạo về thu ngân sách và thu hồi nợ đọng thuế. Thực hiện nhiều biện pháp để thu nợ: Rà soát, phân loại, đối chiếu đến từng khoản nợ, từng người nộp thuế để có biện pháp đôn đốc thu. Thông báo tiền nợ thuế, tiền chậm nộp, gọi điện thoại, mời làm việc cam kết nộp thuế; thành lập tổ công tác thu hồi nợ thuế; phối hợp với chủ đầu tư, tài chính, kho bạc tổ chức thu. Thực hiện cưỡng chế thông qua tài khoản tại các ngân hàng, thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng, kê biên tài sản, chuyển cơ quan Công an điều tra các trường hợp có dấu hiệu hình sự.

Thực hiện cưỡng chế, năm 2012 là 285 doanh nghiệp, năm 2013 là 362 doanh nghiệp, mười tháng đầu năm 2014 là 645 doanh nghiệp. Một số đơn vị tổ

chức cưỡng chế nhiều như: TP Thanh Hóa, Văn phòng Cục Thuế, Thọ Xuân, Bim Sơn, Nga Sơn, Tĩnh Gia, Như Xuân. Kết quả cưỡng chế thuế tại một số đơn vị đã tạo hiệu ứng tốt và có sức cộng hưởng trong việc đôn đốc người nộp thuế chấp hành nghĩa vụ nộp thuế.

1.2. Đến thời điểm 30/6/2014, đã thu được 208.478 triệu đồng đạt 60,7% so với tổng nợ (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

2. Tình hình nợ thuế đến 31/10/2014

2.1. Thời điểm 31/10/2014 tổng nợ tiền thuế (bao gồm cả tiền phạt chậm nộp) là 804.307 triệu đồng = 234% thời điểm 30/6/2012. Tỷ lệ nợ thuế so với tổng thu ngân sách trên địa bàn ngày càng tăng: 30/6/2012 là 12,92%, 30/6/2014 là 20%.

- Một số Chi cục Thuế số nợ thuế thời điểm 31/10/2014 tăng cao so với 30/6/2012 là Như Xuân tăng 633%; TP Thanh Hoá tăng 211%, Tĩnh Gia tăng 184%, Quảng Xương tăng 120%.

- Nợ thuế chủ yếu là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, số nợ tăng nhanh, năm sau cao hơn năm trước: thời điểm 30/6/2014 chiếm 66,58%; thời điểm 31/10/2014 chiếm 75,56% tổng nợ thuế. Số hộ cá thể nhiều nhưng nợ thuế thời điểm 30/6/2012 chỉ chiếm 5,74%, 31/10/2014 giảm xuống còn 3,5% tổng nợ thuế.

- Nợ trong hoạt động XD/CB cao nhất chiếm 44,4%, hoạt động thương mại chiếm 18,9%; hoạt động dịch vụ khác chiếm 15,6% tổng nợ thuế...

Nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chiếm 5,2% tổng nợ. Một số doanh nghiệp còn nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản lớn, đơn vị đã gửi văn bản đề nghị xác định lại số tiền còn phải nộp nhưng chưa có số liệu chính thức để cơ quan thuế đôn đốc thu hồi nợ thuế (có biểu kèm theo).

2.2. Nợ thuế trên 90 ngày (phải cưỡng chế) tăng, đến 30/6/2012 chiếm 58% tổng nợ thuế, đến 30/6/2014 chiếm 66% tổng nợ thuế; và tăng nhanh hơn so với tăng tổng nợ: 30/6/2014 nợ trên 90 ngày tăng 40%, tổng nợ tăng 14%.

Số nợ thuế thu được qua cưỡng chế còn thấp, các quyết định ban hành nhiều nhưng số tiền thu được chưa tương xứng (bằng 5% số nợ thu được).

2.3. Nợ có khả năng thu: Thời điểm 30/6/2012 là 276.582 triệu đồng, đến 30/6/2014 là 605.647 triệu đồng tăng 208%. Chủ yếu là các doanh nghiệp trong lĩnh vực XD/CB, giao thông phát sinh các tờ khai thuế lớn nhưng khả năng thu hồi vốn chậm, không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế.

2.4. Nợ khó thu: Thời điểm 31/10/2014 là 116.820 triệu đồng tăng 109% so với 30/6/2012. Một số doanh nghiệp đã thực hiện cưỡng chế nhưng chưa thu được tiền nợ thuế, cố tình trây ỳ, không còn hoạt động kinh doanh tại địa điểm đăng ký, gửi văn bản thông báo không có hồi âm, cơ quan thuế lập danh sách gửi Công an để phối hợp thu hồi nợ thuế: Công ty Tùng Trang nợ 12.333 triệu đồng; Công ty TNHH TM Thanh Trang nợ 15.137 triệu đồng; Công ty Quyết Cường; Công ty CP ĐT và XD 125- Cienco 1 nợ 10.525 triệu đồng; Công ty CP ĐT và TM Thăng Long; Công ty TNHH TM XD Thanh Sơn; Công ty CP xây lắp Hồng Hà; Công ty CP Vavina; Công ty TNHH XD Trường An ...

2.5. Nguyên nhân nợ thuế tăng

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ doanh nghiệp đang hoạt động so với tổng số doanh nghiệp đã đăng

ký giảm dần (30/6/2012 là 75%, 30/6/2013 là 67%, 31/10/2014 là 63%). Nhiều doanh nghiệp đang hoạt động nhưng không phát sinh doanh thu. Một số doanh nghiệp năng lực tài chính hạn chế, kinh doanh thua lỗ, bán hàng thu hồi vốn chậm, hàng tồn kho lớn, tạm ngừng hoạt động, giải thể, bỏ trốn

- Nợ xây dựng cơ bản lớn, nhiều công trình hoàn thành đã có quyết toán nhưng chủ đầu tư vẫn nợ; một số công trình dừng thi công do thiếu vốn. Các doanh nghiệp xây dựng nợ tiền nguyên, nhiên, vật liệu dẫn đến một số doanh nghiệp cung cấp cũng gặp khó khăn.

- Doanh nghiệp nợ kéo dài, tiền chậm nộp (phạt) tăng dẫn đến nợ thuế tăng (31/12/2013 tiền chậm nộp chiếm 9,4%; đến 30/6/2014 tiền chậm nộp chiếm 11,6% tổng số tiền thuế nợ).

- Các doanh nghiệp thiếu vốn, nên chiếm dụng tiền thuế để lấy vốn sản xuất, kinh doanh. Một số đơn vị lợi dụng chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn của Chính phủ để cố tình chây ì, dây dưa nợ thuế.

- Việc theo dõi nợ thuế tại một số Chi cục Thuế chưa chặt chẽ. Việc thực hiện cưỡng chế bằng còn gặp nhiều khó khăn, chưa cương quyết trong thực hiện cưỡng chế các doanh nghiệp có điều kiện nhưng chây ì không chịu nộp thuế.

B. HÌNH THỰC HIỆN CÁC KIẾN NGHỊ SAU GIÁM SÁT VỀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Tổng số TSDĐ đến 31/12/2012 còn phải thu 1.598.132 triệu đồng. Đề thu nợ đọng TSDĐ, UBND tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố đã rất quyết liệt trong chỉ đạo và thực hiện. UBND tỉnh đã tổ chức nhiều cuộc họp, ban hành 7 văn bản đơn đốc chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện xử lý nợ đọng TSDĐ, về đấu giá, đấu thầu quyền sử dụng đất; tạm dừng chưa cho tham gia đấu giá đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu thầu cấp quyền khai thác khoáng sản, đấu thầu các dự án sử dụng vốn NSNN, TPCP đối với các tổ chức, cá nhân còn nợ tiền nộp NSNN. UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết liệt chỉ đạo các ngành thuế, tài chính thực hiện nhiều biện pháp để thu hồi nợ đọng TSDĐ.

Đến 31/10/2014 đã thu được 421.353 triệu đồng, thu hồi, giảm trừ diện tích tương ứng số tiền 499.889 triệu đồng, số TSDĐ còn nợ 676.890 triệu đồng.

Kết quả cụ thể như sau:

- Các huyện, thị xã, đã thực hiện giảm trừ diện tích, số tiền tương ứng 22.742 triệu đồng, đã thu được 89.204 triệu đồng; còn nợ quá hạn 48.514 triệu đồng.

- TP Thanh Hóa đã điều chỉnh giảm do điều chỉnh quy hoạch, giảm trừ diện tích tương ứng 324.289 triệu đồng, đã thu được 298.592 triệu đồng; còn nợ 286.769 triệu đồng (nợ quá hạn 166.562 triệu đồng).

- Đã thu hồi 2 dự án nhà đầu tư không có khả năng tài chính, tương ứng số tiền 42.301 triệu đồng.

- Các dự án lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất nợ 485.721 triệu đồng; đã điều chỉnh giảm 110.557 triệu đồng, đã thu được 33.557 triệu đồng; còn nợ 341.607 triệu đồng (quá hạn 156.605 triệu đồng).

2. Đến 31/10/2014, TSDĐ còn phải thu: 1.262.788 triệu đồng, trong đó các dự án đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất 651.410 triệu đồng (quá hạn là 413.703 triệu đồng); dự án lựa chọn nhà đầu tư 611.378 triệu đồng.

Trong đó nợ phát sinh sau ngày 31/12/2012: Các huyện, thị xã 80.327 triệu đồng (chủ yếu là trong hạn, người mua đất đang tiếp tục nộp); TP Thanh Hóa 235.800 triệu đồng (quá hạn 118.300 triệu đồng); các dự án lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất 269.771 triệu đồng.

3. Một số nhà đầu tư khi thị trường bất động sản đang sôi động, tìm mọi cách để có dự án, sau đó chuyển nhượng để kiếm lời, khi khó khăn thì chậm nộp TSDĐ, xin trả dự án, giảm trừ diện tích. Các dự án còn nợ TSDĐ ảnh hưởng đến thu ngân sách, lãng phí đất đai trong khi quỹ đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp (nhiều dự án chưa được lấp đầy, tỷ lệ xây dựng nhà ở rất thấp, đất bỏ hoang hóa nhiều); lãng phí vốn đầu tư do hạ tầng đầu tư không hoàn chỉnh, không khớp nối được hạ tầng giữa các dự án mới với hạ tầng đô thị hiện có nên người dân không xây dựng nhà ở, hoặc xây dựng nhưng không ở; làm chậm tiến độ đô thị hóa, chỉnh trang đô thị.

Thời gian thực hiện quá dài, có dự án từ năm 2005 đến nay vẫn chưa xong quy hoạch, chưa GPMB; hiệu quả kinh tế một số dự án thấp (số thu từ TSDĐ nhỏ hơn tiền chi để đầu tư cơ sở hạ tầng và GPMB).

4. Về các dự án đấu giá quyền sử dụng đất:

- Các dự án thực hiện năm 2012 trở về trước khi tổ chức đấu giá chưa thực hiện GPMB, chưa đầu tư xong hạ tầng. Trong quá trình thực hiện nhiều dự án không thể GPMB 100%; hạ tầng xây dựng chậm, không đồng bộ; phải điều chỉnh quy hoạch. Nhiều nhà đầu tư bán đất dưới hình thức góp vốn nhưng không nộp TSDĐ. Một số doanh nghiệp lách lý do chưa GPMB hết, chưa đầu tư xong hạ tầng nên chây ì không nộp đủ TSDĐ vào ngân sách.

- Hiện nay nợ TSDĐ nhiều nhất là các dự án nhà đầu tư trúng đấu giá toàn bộ dự án trên địa bàn TP Thanh Hóa, thực hiện trước 31/12/2012 (MB 2349 xã Quảng Hưng đấu giá năm 2010 còn nợ 25.393 triệu đồng; MB 08 Nam Ngạn nợ 7.925 triệu đồng, MB 1279 Quảng Hưng đấu giá năm 2009, nợ 15.356 triệu đồng). Một số dự án thu nợ rất khó do nhà đầu tư năng lực tài chính rất yếu.

- Một số mặt bằng thực hiện trước năm 2010, nợ TSDĐ không nhiều nhưng chưa tích cực xử lý. Một số xã thu TSDĐ nhưng không nộp kho bạc mà chuyển sang chi XDCB, nên vẫn treo nợ TSDĐ; do thay đổi cán bộ nên việc đôn đốc thu nợ chưa thường xuyên, liên tục (huyện Triệu Sơn TSDĐ từ 2010 trở về trước còn nợ 6.385 triệu đồng đến nay chưa thu được).

- Một số dự án doanh nghiệp vừa trúng đấu giá đất, vừa trúng xây dựng hạ tầng nhưng chưa làm thủ tục ghi thu, ghi chi nên nợ TSDĐ (TP Thanh Hóa: MB 1905 Nam Ngạn: 5.320 triệu đồng, MB 2107 Đông Hải: 30.969 triệu đồng).

- Các dự án đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện từ năm 2013 đến nay do đấu giá trực tiếp từng lô đất, người tham gia đấu giá có nhu cầu về đất ở nên tiến độ nộp TSDĐ tốt hơn, đồng thời tiến hành xây dựng, hạn chế việc bỏ đất hoang hóa. Trong đó các dự án đầu tư hạ tầng đồng bộ được nhiều nhà đầu tư quan

tâm, các lô đất đấu giá thành, giá cao hơn giá sàn (MB 530 Khu đô thị Nam thành phố do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện).

4. Các dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án:

Tiến độ thực hiện rất chậm, gặp nhiều khó khăn, vướng mắc ở tất cả các khâu, từ chuẩn bị lựa chọn nhà đầu tư đến ký kết hợp đồng và tổ chức thực hiện dự án. Đến nay có 17/52 dự án lựa chọn được nhà đầu tư (15 dự án đang triển khai thực hiện). Còn lại 35/52 dự án chưa có kết quả lựa chọn nhà đầu tư, trong đó có 16 dự án đề nghị không tiếp tục thực hiện. Trong 15 dự án đang triển khai, chỉ có 4 dự án có tiến độ thực hiện tương đối đảm bảo theo hợp đồng.

- Nhiều đơn vị được giao làm bên mời thầu còn lúng túng, chưa thật sự tích cực trong công tác chuẩn bị, có tư tưởng đợi nhà đầu tư tự tìm đến. Đến nay có 16 dự án đã được phê duyệt danh mục nhưng bên mời thầu chưa đăng tải thông tin trên báo đấu thầu (11 dự án thuộc danh mục năm 2011); có 10 dự án chưa có phương án GPMB được phê duyệt.

- Năng lực tài chính của các nhà đầu tư hạn chế, đến 31/10/2014, TSDĐ phải nộp của các dự án là 2.713.600 triệu đồng, đến hạn nộp là 638.800 triệu đồng, nộp được 48.000 triệu đồng bằng 8% số tiền phải nộp (chỉ có 1/15 dự án đang triển khai nộp đủ TSDĐ - Khu dân cư thị trấn Thọ Xuân).

Công ty TNHH Bảo Đức trúng thầu Khu đô thị mới trung tâm TP Thanh Hóa, TSDĐ của dự án 2.259.848 triệu đồng, số tiền đến hạn là 248.583 triệu đồng nhưng công ty chưa nộp; số tiền GPMB là 220.000 triệu đồng, công ty mới nộp được 7.600 triệu đồng.

- Công tác GPMB gặp nhiều khó khăn, chỉ có 2 dự án GPMB xong. Nhiều dự án nhà đầu tư chưa chuyển đủ tiền để GPMB. Việc phối hợp giữa bên mời thầu và chính quyền địa phương trong công tác bồi thường GPMB chưa tốt.

- Nội dung hợp đồng đã ký không cụ thể và thiếu chặt chẽ nên việc xác định nghĩa vụ, trách nhiệm và chế tài xử lý khi các bên vi phạm hợp đồng gặp nhiều khó khăn.

- Quy hoạch còn phải điều chỉnh nhiều, có dự án phải tạm dừng lựa chọn nhà đầu tư để điều chỉnh quy hoạch (dự án Khu đô thị mới Trúc Lâm, huyện Tĩnh Gia, dự án lô số 2 Khu đô thị Bắc Cầu Hạc).

5. Các dự án giao đất có thu tiền sử dụng đất:

Tiến độ chậm, tất cả các dự án đều nợ TSDĐ, Khu dân cư đô thị DVTM phường Đông Thọ, Khu đô thị mới Đông Sơn còn nợ 100% TSDĐ. Trung tâm thương mại Bồ Hồ nằm ở khu đất đẹp nhất thành phố, được giao đất từ năm 2004, đến nay còn nợ 54.999 triệu đồng; xây dựng chậm, không kinh doanh được vừa thất thu thuế, mất việc làm và làm xấu cảnh quan đô thị.

Phần II KIẾN NGHỊ

I. ĐỐI VỚI UBND TỈNH

1. Hiện nay doanh nghiệp tỉnh ta chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, nguồn lực hạn chế do đó cần có chính sách để hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và phát triển. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-TU của Tỉnh ủy về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để có các biện pháp tháo gỡ

khó khăn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp địa phương, doanh nghiệp ngoài quốc doanh phát triển sản xuất kinh doanh. Cần thiết giao cho một cơ quan chủ trì trong việc theo dõi, nắm tình hình hoạt động của doanh nghiệp, góp phần làm tốt công tác quản lý và hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp.

2. Tình hình nợ thuế trên địa bàn tỉnh các năm gần đây ngày càng tăng, do đó cần chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố quyết liệt hơn nữa trong việc tổ chức thu ngân sách hàng năm và thu nợ thuế. Chỉ đạo các ngành Công an, Kho bạc, các Ngân hàng thương mại tích phối hợp với ngành thuế để cưỡng chế các đối tượng có điều kiện nhưng cố tình trốn, nợ thuế kéo dài.

3. Các doanh nghiệp XDCB chiếm gần 50% nợ thuế, để tháo gỡ khó khăn cho cho doanh nghiệp cần phải có lộ trình giải quyết nợ XDCB, thanh toán khối lượng hoàn thành và thanh toán cho các công trình đã có quyết toán được duyệt.

4. Hiện nay diện tích đất trúng đấu giá nhưng chưa đưa vào sử dụng trên địa bàn TP Thanh Hóa còn rất lớn. Các khu đô thị mới chậm lấp đầy, một số dự án hạ tầng không đồng bộ, mặt bằng đang còn nhảm nhời, đất đai hoang hóa; do đó cần xem xét nhu cầu thị trường để quyết định tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất các dự án mới. Thực hiện GPMB, đầu tư xong hạ tầng mới tổ chức đấu giá; nên đấu giá trực tiếp từng lô đất để hạn chế nợ đọng TSDD. Tiếp tục bổ sung kinh phí cho Quỹ phát triển đất tỉnh, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của quỹ để thực hiện GPMB, xây dựng hạ tầng thực hiện các dự án.

5. Chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã chỉ đạo hoàn chỉnh GPMB, đầu tư hạ tầng; thực hiện các biện pháp thu hồi dự án, giảm trừ diện tích, thực hiện ghi thu, ghi chi đối với từng dự án cụ thể để giải quyết nợ đọng TSDD nói chung, đặc biệt là TSDD các dự án thực hiện năm 2012 trở về trước.

II. ĐỐI VỚI CỤC THUẾ

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả việc đôn đốc, thu nợ đọng thuế; thực hiện giao chỉ tiêu thu nợ đến từng Chi cục Thuế, bộ phận và cán bộ quản lý nợ, tăng cường các biện pháp theo dõi, xử lý nợ thuế có hiệu quả, hạn chế gia tăng nợ mới. Rà soát, kiểm tra và tổng hợp các khoản nợ của các đơn vị đăng ký thành lập nhưng không hoạt động, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thu hồi giấy phép, xử lý theo quy định. Đối với các khoản nợ có khả năng thu, tiến hành rà soát, phân loại đối tượng nợ để áp dụng các biện pháp thích hợp theo quy trình quản lý nợ thuế. Đối với nhóm nợ khó thu tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, xác minh xử lý theo quy định.

Thực hiện cưỡng chế thu nợ thuế và kiên quyết xử lý các trường hợp có tình chây ỳ, nợ thuế kéo dài; điều tra, xử lý các trường hợp doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự theo quy định.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Cục Thuế;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

TM. BAN KINH TẾ VÀ NGÂN SÁCH





KẾT QUẢ THU NỢ SỔ TIỀN THUẾ NỢ THỜI ĐIỂM 30/6/2012

(Kèm theo báo cáo số 348/BC-HĐND ngày 22/12/2014 của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nhóm nợ	Tổng số tiền thuế nợ đến 30/06/2012	Số tiền ước thu được đến thời điểm 30/6/2014			Tổng số tiền thuế nợ đến 30/6/2014	Trong đó	
			Tổng số	Bảng biện pháp QLN	Bảng biện pháp CCNT		Nợ 30/6/2012 còn lại	Nợ mới phát sinh
1	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9
	Tổng số	343,546.9	208,478.0	197,809.0	10,669.0	727,421.1	135,068.9	592,352.2
1	Tiền thuế nợ khó thu	55,659.2	6,953.1	6,872.1	81.0	110,833.9	52,270.5	58,563.4
2	Tiền thuế nợ có khả năng thu	276,582.1	196,308.8	185,720.8	10,588.0	605,647.9	80,273.3	525,374.5
3	Tiền thuế nợ chờ xử lý	7,979.3	1,889.9	1,889.9		2,525.1	2,525.1	-
4	Tiền thuế chờ điều chỉnh	3,326.2	3,326.2	3,326.2		8,414.3	-	8,414.3